

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: TBN22B Năm học: 22-23
Mã môn học/ Mô đun: MH04226 Học kỳ: 01
Tên môn học/ Mô đun: Tiếng anh
Số tín chỉ: 4

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1					Hệ số 2					ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	2256201021270	Lâm Quốc	Bảo	03/03/2007				6	5.8	4.8	4.5	5.0			7.6		6.6
2	2256201021271	Mai Hoàng Bảo	Chiêu	27/06/2007				8	7.0	7.3	7.5	6.0			7.4		7.3
3	2256201021272	Nguyễn Hữu	Danh	26/06/2007				0	0.0	0.0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
4	2256201021273	Nguyễn Phát	Đạt	27/07/2007				6	8.3	5.0	3.5	5.0			4.6		5.0
5	2256201021274	Đồng Hoàng	Định	02/05/2007				7	7.5	5.5	5.0	5.0			0.0	0.0	2.4
6	2256201021275	Nguyễn Thành	Đức	07/05/2007				7	5.5	4.3	4.5	5.5			3.2	0.0	4.0
7	2256201021276	Nguyễn Long	Giang	30/11/2007				8	9.0	7.0	7.3	7.0			8.4		8.1
8	2256201021277	Trương Nhựt	Hào	20/10/2007				6	7.8	8.0	5.8	5.0			8.2		7.6
9	2256201021278	Ngô Dương Trung	Hậu	22/05/2007				7	8.0	7.3	6.0	5.3			7.8		7.4
10	2256201021279	Đỗ Vĩ	Kha	12/04/2005				0	0.0	0.0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
11	2256201021280	Huỳnh Trí	Khang	16/11/2006				8	9.3	6.3	5.5	7.0			5.0		5.9
12	2256201021281	Võ Mai Tuấn	Kiệt	26/09/2007				0	0.0	0.0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
13	2256201021282	Trần Trúc	Lam	28/11/2007				8	8.0	8.0	7.3	7.0			7.8		7.7
14	2256201021283	Phạm Chí	Linh	03/04/2007				9	8.0	6.3	8.3	6.8			8.2		7.9
15	2256201021284	Lê Thành	Nam	03/10/2006				5	5.5	8.0	5.3	6.0			5.4		5.7
16	2256201021285	Nguyễn Văn	Nam	25/09/2006				6	4.5	5.0	4.3	5.8			2.8	0.0	3.7
17	2256201021286	Huỳnh Trung	Nhân	11/10/2006				8	9.0	8.0	7.3	7.5			6.0		6.8
18	2256201021287	Lê Thị Bảo	Ngân	03/10/2007				5	7.3	8.0	5.0	6.0			7.8		7.2
19	2256201021288	Hồ Thị Tuyết	Nhi	28/10/2007				9	9.3	10.0	9.8	9.0			9.0		9.2
20	2256201021289	Bùi Thanh	Nhựt	28/12/2007				8	8.3	6.8	5.8	6.0			8.8		8.0
21	2256201021290	Nguyễn Hữu	Tâm	14/07/2007				6	8.0	8.0	7.8	7.5			9.0		8.4
22	2256201021291	Lê Minh	Thắng	03/07/2007				8	6.0	4.5	4.3	5.0			8.8		7.4
23	2256201021292	Nguyễn Bích	Thảo	22/07/2007				0	0.0	0.0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
24	2256201021293	Hà Chí	Thiện	10/11/2007				6	4.5	5.3	4.8	5.3			3.4	0.0	4.1
25	2256201021294	Nguyễn Chí	Thiện	28/11/2007				7	7.8	8.3	5.0	6.0			5.8		6.2
26	2256201021295	Huỳnh Văn	Thông	15/04/2007				8	8.0	7.0	7.8	6.5			7.4		7.4
27	2256201021296	Trần Phước	Tiến	08/07/2007				8	8.0	7.5	8.3	7.0			5.8		6.6
28	2256201021297	Trần Đức	Toàn	10/12/2007				8	7.0	3.8	6.0	7.0			6.4		6.3
29	2256201021298	Phan Thị Bảo	Trâm	10/04/2007				6	8.0	5.8	6.5	7.5			7.0		6.9
30	2256201021299	Bùi Thị Ngọc	Trân	10/03/2007				7	7.5	5.8	6.0	6.5			5.0		5.6
31	2256201021300	Nguyễn Hữu	Quốc	05/09/2006				8	7.5	8.3	9.0	7.0			6.8		7.3
32	2256201021301	Nguyễn Hữu	Trung	30/10/2005				7	5.5	4.8	5.0	6.0			5.0		5.2
33	2256201021302	Trần Thị Thanh	Tú	04/04/2007				7	7.8	6.8	2.3	5.0			0.0	0.0	2.3

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	ThiL1	ThiL2	ĐMH MĐ
-----	------	--------	-----------	---------	---------	-------	-------	-----------

Châu Đốc, ngày 10 tháng 03 năm 2023

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Thị Ngọc Thảo